

Số: 03 /TB-KT

Nam Thanh Miện, ngày 22 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết công khai thủ tục hành chính và quy trình
giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực phòng Kinh tế
thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã**

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã;

Phòng Kinh tế, xã Nam Thanh Miện thông báo niêm yết công khai thủ tục hành chính và quy trình giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực phòng Kinh tế thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã, cụ thể như sau:

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Ghi chú
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ		
1	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	
2	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	
3	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	
4	1.000314	Chấp thuận vị trí đậu nổi tạm vào đường bộ đang khai thác	
II	HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY		
1	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	
2	1.009454	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	
3	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	
4	1.009453	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	
5	1.009452	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	

6	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	
7	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	
8	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	
9	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	
10	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	
11	1.004047	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	
12	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	
13	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	
14	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
15	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	
16	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	
17	2.001659	Xóa đăng ký phương tiện	
18	1.003658	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	
19	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	
20	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	
21	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	
22	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
23	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
24	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	

25	1.002372	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	
III	HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG		
1	1.013232	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	
2	1.013229	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	
3	1.013228	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	
4	1.013226	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	
5	1.013225	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	
6	1.013227	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	
IV	NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ		
1	1.012888	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	
V	QUY HOẠCH XÂY DỰNG, KIẾN TRÚC		
1	1.008455	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm	

		quyền của UBND cấp xã	
2	1.003141	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã	
3	1.002662	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã	
VI	LĨNH VỰC BẢO HIỂM		
1	1.005412	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	
VII	LĨNH VỰC HỖ TRỢ TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ		
1	2.002668	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
VIII	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN		
1	3.000410	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	
2	3.000327	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	
3	3.000326	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	
IX	QUẢN LÝ THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THU KHÁC CỦA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		
1	1.013040	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	
2	1.008603	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	
X	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI		
1	1.012994	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	
2	1.012995	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	
3	1.012996	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	
XI	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC		
1	2.002228	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	
2	2.002226	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	
3	2.002650	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
4	2.002649	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ	

		đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
5	2.002648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
6	2.002646	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	
7	2.002644	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	
8	2.002643	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
9	2.002645	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
10	2.002642	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	
11	2.002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	
12	2.002640	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	
13	2.002639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	
14	2.002638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	
15	2.002637	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	
16	2.002635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	
17	2.002636	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	
18	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
19	1.005377	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	
20	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	
21	2.002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	

22	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	
23	2.001973	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
24	1.005010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
25	1.004982	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
26	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	
27	2.001958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
28	1.004901	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
XII	THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP		
1	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	
2	2.000720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	
3	1.001570	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	
4	1.001266	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	
5	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	
XIII	BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG		
1	2.002620	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	
XIV	CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG		
1	2.002096	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	
XV	KINH DOANH KHÍ		
1	2.001283	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	
2	2.001270	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	
3	2.001261	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	
XVI	LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC		
1	2.001240	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	

2	2.000633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
3	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
4	1.001279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
5	2.000620	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	
6	2.000615	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	
7	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
8	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
9	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
XVII	TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ		
1	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	
2	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	
XVIII	BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC		
1	1.004082	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	
2	3.000442	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	
XIX	BIỂN VÀ HẢI ĐẢO		
1	3.000439	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	
2	3.000443	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	
3	3.000441	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	
4	3.000440	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	
XX	CHĂN NUÔI		
1	1.012837	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	
2	1.012836	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện	

		phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	
XXI	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI		
1	1.013979	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	
2	1.013978	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	
3	1.013965	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	
4	1.013967	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	
5	1.013962	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	
6	1.013950	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	
7	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	
8	1.013953	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ	

		địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	
9	1.013952	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	
10	1.012818	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	
11	1.012817	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	
12	1.012812	Hòa giải tranh chấp đất đai	
13	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	
14	1.012753	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	
XXII	LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO		
1	3.000412	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	
2	1.011609	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	
3	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	
4	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	
5	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	
XXIII	LĨNH VỰC KIỂM LÂM		
1	1.012694	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	
XXIV	LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		
1	1.003434	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	
XXV	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP		
1	3.000250	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	
2	1.007919	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử	

		dụng vốn đầu tư công	
XXVI	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG		
1	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	
XXVII	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP		
1	1.003596	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	
XXVIII	LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI		
1	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	
2	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	
3	2.002163	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	
4	2.002162	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	
XXIX	TÀI NGUYÊN NƯỚC		
1	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	
XXX	THỦY LỢI		
1	1.013768	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	
2	2.001627	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp.	
3	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	
4	1.003471	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	
5	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	
6	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	
7	1.003347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa	

		thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	
XXXI	THỦY SẢN		
1	1.004498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	
2	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	
3	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	
XXXII	TRỒNG TRỌT		
1	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	

Phòng Kinh tế xã Thông báo để các cơ quan đơn vị, tổ chức cá nhân liên quan biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Trung tâm phục vụ HCC;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: KT.

TRƯỞNG PHÒNG



Vũ Văn Phong